

Số: 2567 /BGDDĐT-GDNNGDTX
V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Thông tư ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Để hoàn thiện dự thảo Thông tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, cho ý kiến:

1. Góp ý đối với dự thảo Thông tư nêu trên (*dự thảo kèm theo*).
2. Góp ý đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp trong Thông tư số 26/2020/TT-BLDTBXH ngày 30/12/2020 nhưng ***chưa có cơ sở đào tạo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*** (tại danh mục kèm theo) ***cần đưa vào danh mục ngành, nghề đào tạo tại dự thảo Thông tư*** và nêu rõ lý do về sự cần thiết đưa vào danh mục ngành, nghề đào tạo.

Văn bản góp ý đề nghị Quý cơ quan gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên¹), địa chỉ: số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, **trước ngày 15/5/2026**; đồng thời gửi bản điện tử (định dạng .doc hoặc .docx) về địa chỉ email: sonnn@moet.gov.vn để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDNNGDTX.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

¹ Thông tin chi tiết liên hệ: đ/c Nguyễn Ngọc Sơn, chuyên viên chính Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, điện thoại: 0966.23.83.83.

Phụ lục I
RÀ SOÁT NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG TRONG THÔNG TƯ SỐ 26/2020/TT-BLĐTBXH
CHƯA CÓ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CẦN ĐƯA VÀO DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO
TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ
(Ban hành kèm theo văn bản số: /BGDDT-GDNNGDTX ngày tháng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(1) Đưa vào DMN: Rà soát, đánh dấu (x) tên ngành, nghề ***cần đưa vào*** danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp tại Dự thảo Thông tư ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

(2) Ghi chú: ***Nêu lý do cần đưa tên ngành, nghề vào danh mục ngành, nghề đào tạo*** trong giáo dục nghề nghiệp tại Dự thảo Thông tư ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
514	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			614	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		
51402	Đào tạo giáo viên <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo giáo viên cho các bậc học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo viên giáo dục cho trẻ khuyết tật và cho người lớn tuổi</i>			61402	Đào tạo giáo viên <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo giáo viên cho các bậc học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo viên giáo dục cho trẻ khuyết tật và cho người lớn tuổi</i>		
5140201	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp			6140201	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp		
				6140202	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		
				6140203	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp		
5140204	Sư phạm kỹ thuật xây dựng			6140204	Sư phạm kỹ thuật xây dựng		
				6140205	Giáo viên huấn luyện xiếc		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
521	Nghệ thuật			621	Nghệ thuật		
52102	Nghệ thuật trình diễn <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết, sáng tác, đạo diễn và biểu diễn âm nhạc, kịch, điện ảnh, múa, xiếc</i>			62102	Nghệ thuật trình diễn <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết, sáng tác, đạo diễn và biểu diễn âm nhạc, kịch, điện ảnh, múa, xiếc</i>		
5210203	Nghệ thuật biểu diễn chèo						
5210208	Nghệ thuật biểu diễn xiếc			6210208	Nghệ thuật biểu diễn xiếc		
				6210215	Huấn luyện múa		
5210218	Đờn ca nhạc tài tử Nam Bộ						
5210222	Nhạc Jazz			6210222	Nhạc Jazz		
5210226	Lý thuyết âm nhạc						
5210228	Chỉ huy hợp xướng			6210228	Chỉ huy âm nhạc		
5210230	Sản xuất phim			6210230	Sản xuất phim		
5210231	Sản xuất phim hoạt hình			6210231	Sản xuất phim hoạt hình		
5210235	Sản xuất nhạc cụ			6210235	Sản xuất nhạc cụ		
5210237	Tạp kỹ			6210237	Tạp kỹ		
5210238	Công nghệ âm nhạc						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5210239	Sản xuất âm nhạc			6210239	Sản xuất âm nhạc		
5210240	Nghệ thuật trình diễn mẫu thời trang			6210240	Nghệ thuật trình diễn mẫu thời trang		
				6210241	Đạo diễn nghệ thuật biểu diễn xiếc		
5210301	Dựng ảnh						
5210302	Chụp ảnh						
5210304	Ghi dựng đĩa, băng từ			6210304	Ghi dựng đĩa, băng từ		
5210305	Khai thác thiết bị phát thanh			6210305	Khai thác thiết bị phát thanh		
5210306	Khai thác thiết bị truyền hình			6210306	Khai thác thiết bị truyền hình		
5210307	Tu sửa tư liệu nghe nhìn			6210307	Tu sửa tư liệu nghe nhìn		
5210308	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình			6210308	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình		
5210310	Thiết kế âm thanh - ánh sáng			6210310	Thiết kế âm thanh - ánh sáng		
5210311	Thiết kế nghe nhìn						
5210312	Chiếu sáng nghệ thuật						
				6210313	Kỹ sư âm thanh		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5210404	Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh			6210404	Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh		
5210405	Tạo hình hóa trang						
5210406	Thủ công mỹ nghệ						
				6210407	Đúc, dát đồng mỹ nghệ		
				6210408	Chạm khắc đá		
5210409	Gia công đá quý			6210409	Gia công đá quý		
5210410	Kim hoàn			6210410	Kim hoàn		
5210413	Đồ gốm mỹ thuật			6210413	Đồ gốm mỹ thuật		
5210414	Thêu ren mỹ thuật						
5210415	Sản xuất hàng mây tre đan						
5210416	Sản xuất tranh						
5210417	Trang trí nội thất			6210417	Trang trí nội thất		
5210418	Thiết kế trang trí sản phẩm, bao bì			6210418	Thiết kế trang trí sản phẩm, bao bì		
5210419	Thiết kế tạo dáng, tạo mẫu sản phẩm vật liệu xây dựng			6210419	Thiết kế tạo dáng, tạo mẫu sản phẩm vật liệu xây dựng		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5210420	Thiết kế đồ gỗ						
522	Nhân văn			622	Nhân văn		
52201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào ngôn ngữ, văn học và văn hóa các dân tộc Việt Nam, nghiên cứu tính nhân văn và khoa học của ngôn ngữ để làm phiên dịch hoặc các dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp</i>			62201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào ngôn ngữ, văn học và văn hóa các dân tộc Việt Nam, nghiên cứu tính nhân văn và khoa học của ngôn ngữ để làm phiên dịch hoặc các dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp</i>		
5220102	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam			6220102	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam		
5220104	Ngôn ngữ Chăm						
5220105	Ngôn ngữ H'mong						
5220106	Ngôn ngữ Jrai						
5220201	Phiên dịch tiếng Anh hàng không			6220201	Phiên dịch tiếng Anh hàng không		
5220207	Tiếng Nga						
5220208	Tiếng Pháp			6220208	Tiếng Pháp		
				6220213	Tiếng Thái		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
531	Khoa học xã hội và hành vi			631	Khoa học xã hội và hành vi		
53103	Xã hội học và nhân học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc nghiên cứu các hệ thống xã hội, các thể chế xã hội và chế độ xã hội</i>			63103	Xã hội học và nhân học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc nghiên cứu các hệ thống xã hội, các thể chế xã hội và chế độ xã hội</i>		
5310301	Giáo dục đồng đẳng			6310301	Giáo dục đồng đẳng		
532	Báo chí và thông tin			632	Báo chí và thông tin		
53201	Báo chí và truyền thông <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc sản xuất, sử dụng, dịch thuật những thông điệp và việc thể hiện nội dung và hình thức trên các phương tiện truyền thông, phù hợp với bối cảnh, văn hóa khác nhau</i>			63201	Báo chí và truyền thông <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc sản xuất, sử dụng, dịch thuật những thông điệp và việc thể hiện nội dung và hình thức trên các phương tiện truyền thông, phù hợp với bối cảnh, văn hóa khác nhau</i>		
5320101	Phóng viên, biên tập đài cơ sở			6320101	Phóng viên, biên tập đài cơ sở		
5320102	Phóng viên, biên tập						
5320104	Công nghệ phát thanh - truyền hình			6320104	Công nghệ phát thanh - truyền hình		
53202	Thông tin - Thư viện <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc tiếp nhận, bảo quản, khai thác một cách có hệ thống các loại ấn phẩm và nguồn thông tin khác nhau phục vụ hoạt động tra cứu cho các mục đích khác nhau</i>			63202	Thông tin - Thư viện <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc tiếp nhận, bảo quản, khai thác một cách có hệ thống các loại ấn phẩm và nguồn thông tin khác nhau phục vụ hoạt động tra cứu cho các mục đích khác nhau</i>		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5320203	Lưu trữ và quản lý thông tin						
5320204	Thông tin đối ngoại						
				6320208	Thư viện - Thông tin		
				6320209	Công nghệ thiết bị trường học		
53203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc lưu trữ, khai thác, sử dụng các loại hồ sơ, ấn phẩm, vật phẩm lịch sử phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, học tập và tham quan của các bên liên quan</i>			63203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc lưu trữ, khai thác, sử dụng các loại hồ sơ, ấn phẩm, vật phẩm lịch sử phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, học tập và tham quan của các bên liên quan</i>		
5320308	Bảo tồn và khai thác di tích, di sản lịch sử - văn hóa						
53204	Xuất bản - Phát hành <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào biên tập, xuất bản và phát hành các loại ấn phẩm khác nhau phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu và giải trí của các đối tượng sử dụng khác nhau</i>			63204	Xuất bản - Phát hành <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào biên tập, xuất bản và phát hành các loại ấn phẩm khác nhau phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu và giải trí của các đối tượng sử dụng khác nhau</i>		
5320401	Thiết kế, chế bản			6320401	Thiết kế, chế bản xuất bản phẩm		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5320402	Xuất bản			6320402	Biên tập xuất bản phẩm		
5320404	Quản lý xuất bản phẩm						
534	Kinh doanh và quản lý			634	Kinh doanh và quản lý		
53401	Kinh doanh <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào kinh doanh, trao đổi hàng hóa bao gồm việc sản xuất, mua, bán hàng hóa và dịch vụ nói chung và một số hoạt động cụ thể</i>			63401	Kinh doanh <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào kinh doanh, trao đổi hàng hóa bao gồm việc sản xuất, mua, bán hàng hóa và dịch vụ nói chung và một số hoạt động cụ thể</i>		
5340103	Kinh doanh ngân hàng						
5340106	Kinh doanh xuất bản phẩm			6340106	Kinh doanh xuất bản phẩm		
5340107	Kinh doanh vật liệu xây dựng						
5340109	Kinh doanh vận tải đường thủy						
5340111	Kinh doanh vận tải đường sắt						
5340112	Kinh doanh vận tải hàng không						
5340114	Kinh doanh xuất bản phẩm văn hóa			6340114	Kinh doanh xuất bản phẩm văn hóa		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5340123	Hành chính logistics			6340123	Hành chính logistics		
53402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào hoạt động phân tích, quản lý và lập kế hoạch tài chính, kinh doanh tiền tệ; quản lý kết quả hoạt động và quản lý rủi ro của các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức kinh tế và các cá nhân</i>			63402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào hoạt động phân tích, quản lý và lập kế hoạch tài chính, kinh doanh tiền tệ; quản lý kết quả hoạt động và quản lý rủi ro của các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức kinh tế và các cá nhân</i>		
5340205	Bảo hiểm xã hội			6340205	Bảo hiểm xã hội		
53403	Kế toán - Kiểm toán <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết và nguyên lý kế toán trong các loại hình hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức; thẩm định trong và thẩm định ngoài độc lập để đánh giá các hoạt động tài chính và vận hành phù hợp các quy định luật pháp, an toàn tài sản, lập kế hoạch và bố trí nguồn lực hiệu quả</i>			63403	Kế toán - Kiểm toán <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết và nguyên lý kế toán trong các loại hình hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức; thẩm định trong và thẩm định ngoài độc lập để đánh giá các hoạt động tài chính và vận hành phù hợp các quy định luật pháp, an toàn tài sản, lập kế hoạch và bố trí nguồn lực hiệu quả</i>		
5340304	Kế toán vật tư			6340304	Kế toán vật tư		
5340312	Kế toán nội bộ			6340312	Kế toán nội bộ		
53404	Quản trị - Quản lý <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết quản lý, quản lý nguồn nhân lực và cách ứng xử, kế toán và các phương pháp lượng khác, mua sắm và đảm bảo hậu cần, tổ chức và sản xuất, tiếp thị và ra quyết định kinh doanh</i>			63404	Quản trị - Quản lý <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào lý thuyết quản lý, quản lý nguồn nhân lực và cách ứng xử, kế toán và các phương pháp lượng khác, mua sắm và đảm bảo hậu cần, tổ chức và sản xuất, tiếp thị và ra quyết định kinh doanh</i>		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
				6340406	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa		
5340410	Quản trị kinh doanh lương thực - thực phẩm			6340410	Quản trị kinh doanh lương thực - thực phẩm		
5340411	Quản trị kinh doanh vật tư nông nghiệp			6340411	Quản trị kinh doanh vật tư nông		
5340412	Quản trị kinh doanh vật tư công nghiệp			6340412	Quản trị kinh doanh vật tư công		
5340414	Quản trị kinh doanh thiết bị vật tư văn phòng			6340414	Quản trị kinh doanh thiết bị vật tư văn Phòng		
5340418	Quản trị nhà máy sản xuất may			6340418	Quản trị nhà máy sản xuất may		
5340428	Quản lý giao thông đô thị			6340428	Quản lý giao thông đô thị		
				6340431	Quản lý cây xanh đô thị		
				6340432	Quản lý công trình đường thủy		
5340433	Quản lý công trình biển			6340433	Quản lý công trình biển		
5340437	Quản lý thiết bị trường học						
5340438	Quản lý giao nhận hàng hóa						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
				6340440	Quản lý vận hành cảng		
5340442	Giám sát kho hàng			6340442	Giám sát kho hàng		
538	Pháp luật			638	Pháp luật		
53802	Dịch vụ pháp lý <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ pháp lý</i>			63802	Dịch vụ pháp lý <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ pháp lý</i>		
5380202	Công chứng			6380202	Công chứng		
5380204	Pháp chế doanh nghiệp			6380204	Pháp chế doanh nghiệp		
5380208	Trợ lý tổ chức hành nghề công chứng			6380208	Trợ lý tổ chức hành nghề công chứng		
5380209	Trợ lý tổ chức hành nghề luật sư			6380209	Trợ lý tổ chức hành nghề luật sư		
5380210	Trợ lý tổ chức đấu giá tài sản			6380210	Trợ lý tổ chức đấu giá tài sản		
5380211	Trợ lý tổ chức hành nghề thừa phát lại			6380211	Trợ lý tổ chức hành nghề thừa phát lại		
542	Khoa học sự sống			642	Khoa học sự sống		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
54202	Sinh học ứng dụng <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc ứng dụng sinh học, hóa sinh học và gen để tạo ra các sản phẩm mới trong nông nghiệp, công nghiệp, y tế và môi trường; áp dụng các nguyên lý khoa học và toán học để thiết kế các hệ thống sinh học, dụng cụ đo lường và các cơ quan nhân tạo</i>			64202	Sinh học ứng dụng <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc ứng dụng sinh học, hóa sinh học và gen để tạo ra các sản phẩm mới trong nông nghiệp, công nghiệp, y tế và môi trường; áp dụng các nguyên lý khoa học và toán học để thiết kế các hệ thống sinh học, dụng cụ đo lường và các cơ quan nhân tạo</i>		
				6420201	Sinh học ứng dụng		Chưa có cơ sở đăng ký HĐ GDNN
5420203	Vi sinh - Hóa sinh		Chưa có cơ sở đăng ký HĐ GDNN	6420203	Vi sinh - Hóa sinh		Chưa có cơ sở đăng ký HĐ GDNN
544	Khoa học tự nhiên			644	Khoa học tự nhiên		
54402	Khoa học trái đất <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào cấu trúc, thành phần cấu tạo quá trình vật chất và năng lượng của trái đất đại dương và khí quyển</i>			64402	Khoa học trái đất <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào cấu trúc, thành phần cấu tạo quá trình vật chất và năng lượng của trái đất đại dương và khí quyển</i>		
5440201	Quan trắc khí tượng hàng không			6440201	Quan trắc khí tượng hàng không		
5440202	Quan trắc khí tượng nông nghiệp			6440202	Quan trắc khí tượng nông nghiệp		
5440203	Quan trắc hải văn			6440203	Quan trắc hải văn		
5440204	Quan trắc khí tượng bề mặt			6440204	Quan trắc khí tượng bề mặt		
5440205	Địa chất học						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5440206	Khí tượng			6440206	Khí tượng học		
5440207	Thủy văn			6440207	Thủy văn		
548	Máy tính và công nghệ thông tin			648	Máy tính và công nghệ thông tin		
54801	Máy tính <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các phương pháp tính, khoa học máy tính, các hệ điều hành và hệ thống máy tính</i>			64801	Máy tính <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các phương pháp tính, khoa học máy tính, các hệ điều hành và hệ thống máy tính</i>		
5480101	Khoa học máy tính			6480101	Khoa học máy tính		
				6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính		
5480107	Điện tử máy tính			6480107	Điện tử máy tính		
551	Công nghệ kỹ thuật			651	Công nghệ kỹ thuật		
55101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng trong việc thiết kế và thi công các công trình dân dụng, tổ hợp đô thị và các công trình dân dụng như cầu, đường bộ, đường hầm và các hệ thống có liên quan</i>			65101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng trong việc thiết kế và thi công các công trình dân dụng, tổ hợp đô thị và các công trình dân dụng như cầu, đường bộ, đường hầm và các hệ thống có liên quan</i>		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510108	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi			6510108	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi		
				6510111	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông đường sắt đô thị		
				6510112	Lắp đặt cầu		
5510113	Lắp đặt giàn khoan			6510113	Lắp đặt giàn khoan		
5510114	Xây dựng công trình thủy điện			6510114	Xây dựng công trình thủy điện		
5510115	Xây dựng công trình mỏ						
5510117	Trùng tu di tích lịch sử			6510117	Trùng tu di tích lịch sử		
5510118	Kỹ thuật phục chế, gia công nhà gỗ cổ			6510118	Kỹ thuật phục chế, gia công nhà gỗ cổ		
5510119	Sửa chữa, bảo trì cảng hàng không			6510119	Sửa chữa, bảo trì cảng hàng không		
55102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ kỹ sư cơ khí trong việc thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị liên quan đến hệ thống cơ khí</i>			65102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ kỹ sư cơ khí trong việc thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị liên quan đến hệ thống cơ khí</i>		
5510203	Công nghệ kỹ thuật đầu máy, toa xe						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510204	Công nghệ kỹ thuật đóng mới thân tàu biển			6510204	Công nghệ kỹ thuật đóng mới thân tàu biển		
5510205	Công nghệ kỹ thuật vỏ tàu thủy						
5510206	Công nghệ kỹ thuật máy nông - lâm nghiệp						
5510207	Công nghệ kỹ thuật máy và thiết bị hóa chất						
5510208	Công nghệ kỹ thuật thủy lực						
5510209	Công nghệ kỹ thuật kết cấu thép						
				6510214	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe		
55103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống và thiết bị điện, điện tử và viễn thông</i>			65103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống và thiết bị điện, điện tử và viễn thông</i>		
5510307	Công nghệ kỹ thuật điện tàu thủy						
5510308	Công nghệ kỹ thuật điện đầu máy và toa xe						
5510309	Công nghệ kỹ thuật điện máy bay						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510310	Công nghệ kỹ thuật điện máy mỏ						
5510311	Công nghệ kỹ thuật thiết bị y tế						
5510313	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời			6510313	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời		
55104	Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư trong việc thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị liên quan đến hệ thống hóa học, vật liệu và môi trường</i>			65104	Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư trong việc thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị liên quan đến hệ thống hóa học, vật liệu và môi trường</i>		
				6510404	Hoá phân tích		
				6510405	Công nghệ hoá nhựa		
5510408	Công nghệ điện hoá						
5510409	Công nghệ chống ăn mòn kim loại			6510409	Công nghệ chống ăn mòn kim loại		
				6510410	Công nghệ mạ		
5510411	Công nghệ sơn						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510412	Công nghệ sơn tĩnh điện			6510412	Công nghệ sơn tĩnh điện		
5510413	Công nghệ sơn điện di						
5510415	Công nghệ sơn tàu thủy			6510415	Công nghệ sơn tàu thủy		
				6510417	Công nghệ nhiệt luyện		
5510420	Công nghệ gia công kim loại						
55105	Công nghệ sản xuất <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và nhà quản lý trong sản xuất và gia công các loại vật liệu kim loại, nhựa, chất bán dẫn và công nghệ các quá trình hóa học</i>			65105	Công nghệ sản xuất <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và nhà quản lý trong sản xuất và gia công các loại vật liệu kim loại, nhựa, chất bán dẫn và công nghệ các quá trình hóa học</i>		
5510502	Công nghệ sản xuất nhôm			6510502	Công nghệ sản xuất nhôm		
5510504	Công nghệ sản xuất chất dẻo từ Polyme			6510504	Công nghệ sản xuất chất dẻo từ Polyme		
5510505	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo			6510505	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo		
5510506	Công nghệ gia công kính xây dựng			6510506	Công nghệ gia công kính xây dựng		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510507	Sản xuất vật liệu hàn			6510507	Sản xuất vật liệu hàn		
				6510508	Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp		
				6510509	Sản xuất các chất vô cơ		
5510510	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy			6510510	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy		
5510511	Sản xuất phân bón			6510511	Sản xuất phân bón		
5510512	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật			6510512	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật		
5510513	Sản xuất sơn			6510513	Sản xuất sơn		
5510515	Sản xuất bao bì xi măng						
				6510516	Sản xuất gạch Ceramic		
				6510517	Sản xuất gạch Granit		
5510518	Sản xuất đá bằng cơ giới						
5510520	Sản xuất vật liệu phụ trợ dùng trong đóng tàu						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510521	Sản xuất bê tông nhựa nóng						
5510523	Sản xuất sản phẩm sứ dân dụng			6510523	Sản xuất sản phẩm sứ dân dụng		
5510525	Sản xuất pin, ắc quy			6510525	Sản xuất pin, ắc quy		
5510526	Sản xuất khí cụ điện			6510526	Sản xuất khí cụ điện		
5510527	Sản xuất sản phẩm cách điện			6510527	Sản xuất sản phẩm cách điện		
5510528	Sản xuất dụng cụ đo điện			6510528	Sản xuất dụng cụ đo điện		
5510529	Sản xuất động cơ điện			6510529	Sản xuất động cơ điện		
5510530	Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối			6510530	Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối		
5510531	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình			6510531	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình		
5510532	Sản xuất dụng cụ phục hồi chức năng			6510532	Sản xuất dụng cụ phục hồi chức năng		
5510533	Sản xuất dụng cụ thể thao			6510533	Sản xuất dụng cụ thể thao		
5510534	Sản xuất vật liệu không nung và cốt liệu			6510534	Sản xuất vật liệu không nung và cốt		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510535	Sản xuất tấm lợp Fibro xi măng						
5510537	Sản xuất sản phẩm gốm dân dụng			6510537	Sản xuất sản phẩm gốm dân dụng		
				6510538	Chế biến mũ cao su		
55106	Quản lý công nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và nhà quản lý trong các hệ thống sản xuất công nghiệp</i>			65106	Quản lý công nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và nhà quản lý trong các hệ thống sản xuất công nghiệp</i>		
5510602	Công nghệ quản lý chất lượng						
5510604	Kiểm nghiệm đường mía			6510604	Kiểm nghiệm đường mía		
5510607	Phân tích cơ lý hóa xi măng			6510607	Phân tích cơ lý hóa xi măng		
5510608	Phân tích các sản phẩm nhôm và bauxit			6510608	Phân tích các sản phẩm nhôm và bauxit		
				6510610	Giám định khối lượng, chất lượng than		
5510611	Đo lường dao động và cân bằng động			6510611	Đo lường dao động và cân bằng động		
5510612	Kiểm tra phân tích kết cấu thép và kim loại			6510612	Kiểm tra phân tích kết cấu thép và kim loại		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510613	Đo lường và phân tích các thành phần kim loại			6510613	Đo lường và phân tích các thành phần kim loại		
5510614	Kiểm nghiệm chất lượng cao su			6510614	Kiểm nghiệm chất lượng cao su		
5510615	Kiểm nghiệm, phân tích gốm, sứ, thủy tinh			6510615	Kiểm nghiệm, phân tích gốm, sứ, thủy tinh		
55107	Công nghệ dầu khí và khai thác <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và các nhà chuyên môn trong việc phát triển và vận hành các thiết bị khai thác, chiết xuất và chế biến dầu và khí tự nhiên</i>			65107	Công nghệ dầu khí và khai thác <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và các nhà chuyên môn trong việc phát triển và vận hành các thiết bị khai thác, chiết xuất và chế biến dầu và khí tự nhiên</i>		
5510701	Công nghệ kỹ thuật hoá dầu						
5510703	Khoan thăm dò dầu khí			6510703	Khoan thăm dò dầu khí		
5510704	Sản xuất các sản phẩm lọc dầu			6510704	Sản xuất các sản phẩm lọc dầu		
5510705	Kỹ thuật phân tích các sản phẩm hoá dầu và lọc dầu						
5510708	Thí nghiệm các sản phẩm hoá dầu			6510708	Thí nghiệm các sản phẩm hoá dầu		
5510709	Vận hành thiết bị hoá dầu			6510709	Vận hành thiết bị hoá dầu		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510710	Vận hành trạm phân phối các sản phẩm dầu khí			6510710	Vận hành trạm phân phối các sản phẩm dầu khí		
5510711	Vận hành trạm sản xuất khí, khí hoá lỏng			6510711	Vận hành trạm sản xuất khí, khí hoá lỏng		
5510714	Vận hành thiết bị lọc dầu			6510714	Vận hành thiết bị lọc dầu		
5510715	Vận hành thiết bị sản xuất phân đạm từ khí dầu mỏ			6510715	Vận hành thiết bị sản xuất phân đạm từ khí dầu mỏ		
5510716	Vận hành trạm và đường ống dẫn dầu khí			6510716	Vận hành trạm và đường ống dẫn dầu khí		
5510717	Chọn mẫu và hóa nghiệm dầu khí			6510717	Chọn mẫu và hóa nghiệm dầu khí		
5510718	Sửa chữa thiết bị khai thác dầu khí			6510718	Sửa chữa thiết bị khai thác dầu khí		
55108	Công nghệ kỹ thuật in <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và các nhà chuyên môn trong phát triển, vận hành các thiết bị in</i>			65108	Công nghệ kỹ thuật in <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư và các nhà chuyên môn trong phát triển, vận hành các thiết bị in</i>		
				6510801	Công nghệ chế tạo khuôn in		
				6510805	Công nghệ bao bì		
5510806	Công nghệ gia công bao bì						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5510807	Công nghệ chế tạo khuôn bê						
55109	Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư trong việc phát triển và vận hành các thiết bị thăm dò địa chất, địa vật lý và trắc địa</i>			65109	Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ các kỹ sư trong việc phát triển và vận hành các thiết bị thăm dò địa chất, địa vật lý và trắc địa</i>		
5510903	Địa chất công trình						
5510904	Địa chất thủy văn						
5510905	Địa chất thăm dò khoáng sản						
5510906	Địa chất dầu khí						
				6510907	Trắc địa - Địa hình - Địa chính		
5510908	Đo đạc bản đồ			6510908	Đo đạc bản đồ		
5510909	Đo đạc địa chính			6510909	Đo đạc địa chính		
				6510910	Trắc địa công trình		
5510911	Quan trắc khí tượng			6510911	Quan trắc khí tượng		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
				6510912	Khảo sát địa hình		
5510913	Khảo sát địa chất			6510913	Khảo sát địa chất		
5510914	Khảo sát thủy văn			6510914	Khảo sát thủy văn		
				6510915	Khoan thăm dò địa chất		
5510916	Biên chế bản đồ						
5510917	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)						
5510918	Quản lý thông tin tư liệu địa chính						
5511001	Công nghệ kỹ thuật mỏ			6511001	Công nghệ kỹ thuật mỏ		
				6511002	Công nghệ tuyển khoáng		
5511005	Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên						
				6511006	Vận hành thiết bị sàng tuyển than		
5511007	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại			6511007	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
				6511008	Khoan nổ mìn		
				6511009	Khoan đào đường hầm		
5511010	Khoan khai thác mỏ			6511010	Khoan khai thác mỏ		
5511011	Vận hành thiết bị mỏ hầm lò			6511011	Vận hành thiết bị mỏ hầm lò		
5511012	Vận hành trạm khí hoá than			6511012	Vận hành trạm khí hoá than		
552	Kỹ thuật			652	Kỹ thuật		
55201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí được sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng</i>			65201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí được sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng</i>		
5520101	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay			6520101	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay		
5520106	Gia công ống công nghệ			6520106	Gia công ống công nghệ		
5520107	Gia công và lắp dựng kết cấu thép			6520107	Gia công và lắp dựng kết cấu thép		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520108	Gia công khuôn dưỡng và phóng dạng tàu thủy			6520108	Gia công khuôn dưỡng và phóng dạng tàu thủy		
5520110	Gia công và lắp ráp nội thất tàu thủy			6520110	Gia công và lắp ráp nội thất tàu thủy		
				6520111	Lắp ráp ô tô		
5520112	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy			6520112	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy		
5520116	Cơ khí hóa chất						
5520118	Cơ - Điện mỏ						
5520119	Cơ - Điện tuyến khoáng						
5520122	Gò			6520122	Gò		
5520130	Sửa chữa máy tàu biển			6520130	Sửa chữa máy tàu biển		
				6520132	Sửa chữa thiết bị dệt		
5520134	Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ			6520134	Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ		
5520135	Sửa chữa thiết bị chế biến đường			6520135	Sửa chữa thiết bị chế biến đường		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520136	Sửa chữa thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm			6520136	Sửa chữa thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm		
5520137	Sửa chữa cơ khí ngành giấy			6520137	Sửa chữa cơ khí ngành giấy		
				6520138	Sửa chữa thiết bị in		
				6520139	Sửa chữa thiết bị mô hình lò		
5520140	Sửa chữa cơ máy mỏ			6520140	Sửa chữa cơ máy mỏ		
5520141	Sửa chữa thiết bị hoá chất			6520141	Sửa chữa thiết bị hoá chất		
				6520142	Sửa chữa thiết bị luyện kim		
5520143	Sửa chữa thiết bị khoan dầu khí			6520143	Sửa chữa thiết bị khoan dầu khí		
5520147	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí xi măng			6520147	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí xi măng		
5520148	Sửa chữa cơ khí động lực						
5520150	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ điện						
5520153	Bảo trì và sửa chữa thiết bị luyện kim						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520154	Bảo trì hệ thống thiết bị cảng hàng không			6520154	Bảo trì hệ thống thiết bị cảng hàng không		
				6520157	Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt		
				6520159	Bảo trì và sửa chữa ô tô		
5520161	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ giới hạng nặng						
5520162	Bảo trì và sửa chữa xe máy						
5520163	Bảo dưỡng, sửa chữa tàu điện			6520163	Bảo dưỡng, sửa chữa tàu điện		
5520164	Bảo trì và sửa chữa đầu máy, toa xe						
5520165	Bảo trì và sửa chữa máy bay						
5520166	Bảo trì và sửa chữa máy tàu thủy						
5520167	Bảo trì và sửa chữa thiết bị vô tuyến vận tải						
5520168	Bảo trì và sửa chữa hệ thống kỹ thuật vô tuyến khí tượng						
5520169	Bảo trì và sửa chữa máy xây dựng và máy nâng chuyển						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520170	Bảo trì và sửa chữa máy, thiết bị công nghiệp						
5520171	Bảo trì và sửa chữa máy nông lâm nghiệp						
5520172	Bảo trì và sửa chữa thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm						
5520173	Bảo trì và sửa chữa máy mỏ và thiết bị hầm lò						
5520174	Bảo trì và sửa chữa thiết bị sợi - dệt						
5520175	Bảo trì và sửa chữa thiết bị may						
5520176	Bảo trì và sửa chữa thiết bị hoá chất						
5520177	Bảo trì và sửa chữa thiết bị khoan dầu khí						
5520178	Bảo trì và sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí						
5520179	Bảo trì và sửa chữa thiết bị sản xuất các sản phẩm da						
5520180	Bảo trì và sửa chữa thiết bị in						
				6520182	Vận hành cần, cầu trục		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
				6520185	Vận hành máy xây dựng		
				6520188	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt		
5520189	Vận hành, sửa chữa máy tàu cá			6520189	Vận hành, sửa chữa máy tàu cá		
5520190	Vận hành máy và thiết bị hoá chất			6520190	Vận hành máy và thiết bị hoá chất		
				6520191	Điều khiển tàu cuốc		
5520194	Bảo trì hệ thống sản xuất tự động			6520194	Bảo trì hệ thống sản xuất tự động		
5520195	Bảo trì hệ thống điều khiển và vận hành tàu cá			6520195	Bảo trì hệ thống điều khiển và vận hành tàu cá		
5520196	Kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa xe cơ giới			6520196	Kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa xe cơ giới		
55202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống và thiết bị điện, điện tử và viễn thông</i>			65202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống và thiết bị điện, điện tử và viễn thông</i>		
5520202	Kỹ thuật cơ điện sản xuất gốm, sứ, thủy tinh			6520202	Kỹ thuật cơ điện sản xuất gốm sứ, thủy tinh		
5520203	Kỹ thuật cơ điện chế biến cao su			6520203	Kỹ thuật cơ điện chế biến cao su		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520206	Kỹ thuật điện cảng hàng không			6520206	Kỹ thuật điện cảng hàng không		
5520207	Kỹ thuật điện tử cảng hàng không			6520207	Kỹ thuật điện tử cảng hàng không		
				6520208	Kỹ thuật điện tàu bay		
5520209	Kỹ thuật điện tử tàu bay			6520209	Kỹ thuật điện tử tàu bay		
5520210	Kỹ thuật điện, điện tử tàu biển			6520210	Kỹ thuật điện, điện tử tàu biển		
5520211	Kỹ thuật điện tử tàu thủy			6520211	Kỹ thuật điện tử tàu thủy		
5520212	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không			6520212	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không		
5520213	Kỹ thuật dẫn đường hàng không			6520213	Kỹ thuật dẫn đường hàng không		
5520214	Kỹ thuật thiết bị viễn thông và nghi khí hàng hải			6520214	Kỹ thuật thiết bị viễn thông và nghi khí hàng hải		
5520215	Kỹ thuật thiết bị radar						
5520216	Kỹ thuật nguồn điện thông tin						
5520217	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối			6520217	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520218	Kỹ thuật đài trạm viễn thông			6520218	Kỹ thuật đài trạm viễn thông		
5520220	Kỹ thuật truyền hình cáp			6520220	Kỹ thuật truyền hình cáp		
5520229	Điện đầu máy đường sắt			6520229	Điện đầu máy đường sắt		
5520230	Điện toa xe đường sắt						
5520231	Sửa chữa điện máy mỏ			6520231	Sửa chữa điện máy mỏ		
5520233	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện xi măng			6520233	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện xi măng		
5520234	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành			6520234	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành		
5520236	Sửa chữa đồng hồ đo thời gian						
5520237	Sửa chữa đồng hồ đo điện, nhiệt, áp lực			6520237	Sửa chữa đuhg ho đo điện, nhiệt, áp l		
5520238	Sửa chữa thiết bị đo lường trọng lượng			6520238	Sửa chữa thiết bị đo lường trọng lượng		
5520239	Lắp đặt điện công trình			6520239	Lắp đặt điện công trình		
5520241	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống truyền dân điện đường sắt			6520241	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống truyền dân điện đường sắt		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5520248	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện			6520248	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện		
5520250	Vận hành trạm, mạng điện			6520250	Vận hành trạm, mạng điện		
5520251	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện			6520251	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện		
5520252	Vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy			6520252	Vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy		
5520253	Vận hành tổ máy phát điện Diesel			6520253	Vận hành tổ máy phát điện Diesel		
				6520254	Vận hành nhà máy điện hạt nhân		
5520258	Điều độ lưới điện phân phối			6520258	Điều độ lưới điện phân phối		
5520266	Quản lý và vận hành lưới điện						
5520267	Hệ thống điện đường sắt đô thị			6520267	Hệ thống điện đường sắt đô thị		
5520268	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không			6520268	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không		
				6520269	Bảo trì thiết bị điện trong nhà máy điện hạt nhân		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
55203	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống máy móc thiết bị được sử dụng trong thăm dò địa chất, địa vật lý và trắc địa</i>			65203	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống máy móc thiết bị được sử dụng trong thăm dò địa chất, địa vật lý và trắc địa</i>		
5520305	Luyện Ferro hợp kim			6520305	Luyện Ferro hợp kim		
5520306	Xử lý chất thải công nghiệp và y tế			6520306	Xử lý chất thải công nghiệp và y tế		
5520307	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu			6520307	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu		
5520308	Xử lý chất thải trong sản xuất thép			6520308	Xử lý chất thải trong sản xuất thép		
5520310	Xử lý chất thải trong sản xuất cao su			6520310	Xử lý chất thải trong sản xuất cao su		
55290	Khác			65290	Khác		
				6529001	Kỹ thuật lò hơi		
				6529002	Kỹ thuật tua bin		
5529003	Kỹ thuật tua bin nước						
5529004	Kỹ thuật tua bin khí						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5529009	Kỹ thuật thiết bị sản xuất Dược			6529009	Kỹ thuật thiết bị sản xuất Dược		
5529011	Lắp ráp và thử nghiệm lò hơi, tua bin			6529011	Lắp ráp và thử nghiệm lò hơi, tua bin		
5529012	Lặn trực vớt			6529012	Lặn trực vớt		
5529013	Lặn nghiên cứu khảo sát			6529013	Lặn nghiên cứu khảo sát		
5529014	Lặn hướng dẫn tham quan, du lịch						
				6529015	Lặn thi công		
554	Sản xuất và chế biến			654	Sản xuất và chế biến		
55401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của hóa học, vật lý và kỹ thuật để phát triển và thực hiện việc sản xuất, đóng gói, bảo quản, công nghệ và quá trình phân phối sản phẩm lương thực, thực phẩm và đồ uống</i>			65401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của hóa học, vật lý và kỹ thuật để phát triển và thực hiện việc sản xuất, đóng gói, bảo quản, công nghệ và quá trình phân phối sản phẩm lương thực, thực phẩm và đồ uống</i>		
5540105	Chế biến dầu thực vật			6540105	Chế biến dầu thực vật		
5540107	Chế biến hạt điều						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5540109	Chế biến sữa						
5540110	Sản xuất bột ngọt, gia vị						
5540111	Công nghệ kỹ thuật sản xuất đường, bánh kẹo						
5540112	Sản xuất bánh, kẹo			6540112	Sản xuất bánh, kẹo		
5540114	Sản xuất muối từ nước biển						
5540115	Sản xuất muối công nghiệp						
5540116	Công nghệ kỹ thuật lên men						
5540117	Sản xuất cồn			6540117	Sản xuất cồn		
5540118	Sản xuất rượu bia			6540118	Sản xuất rượu bia		
5540119	Sản xuất nước giải khát			6540119	Sản xuất nước giải khát		
5540120	Công nghệ kỹ thuật chế biến cồn, rượu, bia và nước giải khát						
5540121	Chế biến nước quả cô đặc						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5540122	Sản xuất đường glucoza						
				6540125	Chế biến cà phê, ca cao		
5540126	Chế biến thuốc lá			6540126	Chế biến thuốc lá		
5540128	Quản lý chất lượng lương thực, thực phẩm						
55402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của hóa học, vật lý và kỹ thuật để phát triển và thực hiện việc sản xuất, đóng gói, bảo quản, công nghệ và quá trình phân phối sản phẩm sợi, vải, giày, da</i>			65402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của hóa học, vật lý và kỹ thuật để phát triển và thực hiện việc sản xuất, đóng gói, bảo quản, công nghệ và quá trình phân phối sản phẩm sợi, vải, giày, da</i>		
5540208	Thiết kế may đo áo dài						
5540209	Công nghệ giặt - là						
5540211	Công nghệ kỹ thuật thuộc da						
5540212	Thuộc da			6540212	Thuộc da		
5540213	Sản xuất hàng da, giày			6540213	Sản xuất hàng da, giày		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5540214	Sản xuất muối và hóa chất sau muối			6540214	Sản xuất muối và hóa chất sau muối		
55490	Khác			65490	Khác		
5549001	Công nghệ kỹ thuật chế biến lâm sản			6549001	Công nghệ chế biến lâm sản		
				6549003	Công nghệ kỹ thuật chế biến mùn cao su		
5549004	Công nghệ chế biến tinh dầu và hương liệu mỹ phẩm						
558	Kiến trúc và xây dựng			658	Kiến trúc và xây dựng		
55802	Xây dựng Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý khoa học toán học và quản lý trong việc quy hoạch, thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.			65802	Xây dựng Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý khoa học toán học và quản lý trong việc quy hoạch, thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.		
5580204	Kỹ thuật thi công lắp dựng kính xây dựng			6580204	Kỹ thuật thi công lắp dựng kính xây dựng		
5580206	Bê tông						
562	Nông, lâm nghiệp và thủy sản			662	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
56201	Nông nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, quản lý và sử dụng đất nông nghiệp và trang trại và các hoạt động kinh doanh nông nghiệp</i>			66201	Nông nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, quản lý và sử dụng đất nông nghiệp và trang trại và các hoạt động kinh doanh nông nghiệp</i>		
5620103	Công nghệ kỹ thuật chế biến sản phẩm cây nhiệt đới						
5620105	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản sản phẩm cây ăn quả						
5620106	Chế biến nông lâm sản			6620106	Chế biến nông lâm sản		
5620107	Sản xuất thức ăn chăn nuôi						
5620108	Nông vụ mía đường						
				6620112	Trồng cây lương thực, thực phẩm		
5620113	Trồng rau						
				6620114	Trồng cây công nghiệp		
5620118	Chăn nuôi và chế biến thịt Bò			6620118	Chăn nuôi và chế biến thịt Bò		
				6620121	Khuyến nông		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5620123	Kỹ thuật dâu tằm tơ			6620123	Kỹ thuật dâu tằm tơ		
				6620124	Chọn và nhân giống cây trồng		
5620127	Quản lý thủy nông						
				6620132	Nông lâm kết hợp		
56202	Lâm nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp bao gồm các khoa học rừng, công nghệ sản xuất và thu hoạch các sản phẩm rừng, kinh tế và quản lý tài nguyên rừng</i>			66202	Lâm nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp bao gồm các khoa học rừng, công nghệ sản xuất và thu hoạch các sản phẩm rừng, kinh tế và quản lý tài nguyên rừng</i>		
				6620203	Làm vườn - cây cảnh		
				6620204	Kỹ thuật cây cao su		
				6620205	Sinh vật cảnh		
5620208	Kiểm lâm			6620208	Kiểm lâm		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
56203	Thủy sản <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực thủy sản bao gồm các khoa học về nuôi trồng, khai thác, đánh bắt và quản lý nguồn lợi thủy sản</i>			66203	Thủy sản <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành các hoạt động nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực thủy sản bao gồm các khoa học về nuôi trồng, khai thác, đánh bắt và quản lý nguồn lợi thủy sản</i>		
5620301	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thủy sản			6620301	Công nghệ chế biến thủy sản		
5620307	Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản						
5620308	Khai thác hàng hải thủy sản						
5620309	Bệnh học thủy sản						
				6620310	Phòng và chữa bệnh thủy sản		
5620311	Khuyến ngư						
564	Thú y			664	Thú y		
56402	Dịch vụ thú y <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các hoạt động hỗ trợ và làm việc dưới sự giám sát của bác sĩ, chuyên gia thú y bao gồm quản lý vật ốm, chăm sóc và hỗ trợ các thủ tục thăm khám và chữa bệnh vật nuôi</i>			66402	Dịch vụ thú y <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các hoạt động hỗ trợ và làm việc dưới sự giám sát của bác sĩ, chuyên gia thú y bao gồm quản lý vật ốm, chăm sóc và hỗ trợ các thủ tục thăm khám và chữa bệnh vật nuôi</i>		
5640202	Dược thú y						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
56490	Khác			66490	Khác		
5649001	Sản xuất thuốc thú y			6649001	Sản xuất thuốc thú y		
5649002	Sản xuất thuốc thủy y			6649002	Sản xuất thuốc thủy y		
572	Sức khỏe			672	Sức khỏe		
57201	Y học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành y học bao gồm chẩn đoán, điều trị, sử dụng thuốc trong việc điều trị và phòng chống bệnh ở người, quản lý sức khỏe và phòng chống bệnh dịch</i>			67201	Y học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các nguyên lý và thực hành y học bao gồm chẩn đoán, điều trị, sử dụng thuốc trong việc điều trị và phòng chống bệnh ở người, quản lý sức khỏe và phòng chống bệnh dịch</i>		
				6720103	Y sinh học thể dục thể thao		
57202	Dược học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các chất sinh học và hoạt động lâm sàng, tương tác sinh học và dược lý, sự phát triển của các phương pháp có liên quan đến nghiên cứu, kỹ thuật và các thủ tục thử nghiệm lâm sàng, nguồn gốc, tính chất hóa học, tác dụng sinh học của thuốc, cách sử dụng thuốc trong điều trị bệnh</i>			67202	Dược học <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các chất sinh học và hoạt động lâm sàng, tương tác sinh học và dược lý, sự phát triển của các phương pháp có liên quan đến nghiên cứu, kỹ thuật và các thủ tục thử nghiệm lâm sàng, nguồn gốc, tính chất hóa học, tác dụng sinh học của thuốc, cách sử dụng thuốc trong điều trị bệnh</i>		
5720206	Bào chế dược phẩm			6720206	Bào chế dược phẩm		
				6720207	Dược y học cổ truyền		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
57203	Điều dưỡng - Hộ sinh <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào hoạt động tăng cường sức khỏe, chăm sóc người ốm, người khuyết tật và người cao tuổi; theo dõi, chăm sóc sức khỏe thai nhi và phụ nữ mang thai trong giai đoạn mang thai, sinh con và giai đoạn sau sinh</i>			67203	Điều dưỡng - Hộ sinh <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào hoạt động tăng cường sức khỏe, chăm sóc người ốm, người khuyết tật và người cao tuổi; theo dõi, chăm sóc sức khỏe thai nhi và phụ nữ mang thai trong giai đoạn mang thai, sinh con và giai đoạn sau sinh</i>		
5720303	Hộ sinh			6720303	Hộ sinh		
				6720305	Điều dưỡng chuyên khoa nội		
				6720306	Điều dưỡng chuyên khoa ngoại		
				6720307	Điều dưỡng chuyên khoa sản		
				6720308	Điều dưỡng chuyên khoa nhi		
57204	Dinh dưỡng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo có nội dung tập trung vào việc áp dụng những nguyên lý của khoa học dinh dưỡng và thức ăn, các trạng thái của cơ thể người và khoa học y sinh để thiết kế và quản lý các chương trình dinh dưỡng với các chuẩn mực khác nhau</i>			67204	Dinh dưỡng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo có nội dung tập trung vào việc áp dụng những nguyên lý của khoa học dinh dưỡng và thức ăn, các trạng thái của cơ thể người và khoa học y sinh để thiết kế và quản lý các chương trình dinh dưỡng với các chuẩn mực khác nhau</i>		
5720606	Kỹ thuật vật lý trị liệu			6720606	Kỹ thuật vật lý trị liệu		
576	Dịch vụ xã hội			676	Dịch vụ xã hội		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
57601	Công tác xã hội <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các công cụ tổ chức và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản để thực hiện việc quản lý và tư vấn về phúc lợi xã hội.</i>			67601	Công tác xã hội <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các công cụ tổ chức và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản để thực hiện việc quản lý và tư vấn về phúc lợi xã hội.</i>		
5760103	Công tác công đoàn						
5760104	Lao động - Xã hội						
57602				67602	Dịch vụ xã hội <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc quy hoạch, quản lý và triển khai các dịch vụ xã hội đối với cộng đồng và cá nhân bao gồm trẻ em, thanh, thiếu niên và gia đình.</i>		
5760201	Dịch vụ xã hội						
5760202	Chăm sóc và hỗ trợ gia đình						
				6760203	Dịch vụ chăm sóc gia đình		Chưa có cơ sở đăng ký HĐ GDNN
581	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			681	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
58101	Du lịch <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và vận hành các hoạt động du lịch và lữ hành, nơi ăn ở và các cơ sở vui chơi, giải trí; chiến lược tiếp thị; quy hoạch, quản lý và mua bán lữ hành; quản trị tài chính và các chính sách và quy định về du lịch.</i>			68101	Du lịch <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên lý và vận hành các hoạt động du lịch và lữ hành, nơi ăn ở và các cơ sở vui chơi, giải trí; chiến lược tiếp thị; quy hoạch, quản lý và mua bán lữ hành; quản trị tài chính và các chính sách và quy định về du lịch.</i>		
5810106	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao			6810106	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao		
5810108	Đặt giữ chỗ du lịch						
5810109	Đại lý lữ hành						
5810110	Du lịch golf			6810110	Du lịch golf		
58102	Khách sạn, nhà hàng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào quy hoạch, quản lý và tiếp thị khách sạn và nhà hàng cung cấp các dịch vụ đón, đưa khách du lịch và phục vụ ăn uống; quản lý các chuỗi khách sạn và nhà hàng, mua bán sang nhượng thương hiệu.</i>			68102	Khách sạn, nhà hàng <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào quy hoạch, quản lý và tiếp thị khách sạn và nhà hàng cung cấp các dịch vụ đón, đưa khách du lịch và phục vụ ăn uống; quản lý các chuỗi khách sạn và nhà hàng, mua bán sang nhượng thương hiệu.</i>		
5810208	Kỹ thuật pha chế và phục vụ đồ uống		Chưa có cơ sở đăng ký HĐ GDNN				
58103	Thể dục, thể thao <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên tắc giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao và kinh doanh để tổ chức, quản trị và quản lý các chương trình, nhóm đội thể thao, cơ sở tập thể hình, phục hồi sức khỏe và câu lạc bộ sức khỏe và các dịch vụ có liên quan.</i>			68103	Thể dục, thể thao <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên tắc giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao và kinh doanh để tổ chức, quản trị và quản lý các chương trình, nhóm đội thể thao, cơ sở tập thể hình, phục hồi sức khỏe và câu lạc bộ sức khỏe và các dịch vụ có liên quan.</i>		

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5810301	Thẻ đục thể thao						
				6810302	Huấn luyện thể thao		
5810303	Quản lý thẻ đục, thể thao			6810303	Quản lý thẻ đục, thể thao		
5810304	Kỹ thuật golf			6810304	Kỹ thuật golf		
58104	Dịch vụ thẩm mỹ <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên tắc và thực hành chăm sóc da mặt; cắt, tỉa uốn, nhuộm tóc; chỉnh sửa lông mày, lông mi; sơn sửa móng tay, móng chân.</i>			68104	Dịch vụ thẩm mỹ <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào các nguyên tắc và thực hành chăm sóc da mặt; cắt, tỉa uốn, nhuộm tóc; chỉnh sửa lông mày, lông mi; sơn sửa móng tay, móng chân.</i>		
5810401	Dịch vụ thẩm mỹ						
584	Dịch vụ vận tải			684	Dịch vụ vận tải		
58401	Khai thác vận tải <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý, lý thuyết, thực hành tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận chuyển hành khách và hàng hóa.</i>			68401	Khai thác vận tải <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý, lý thuyết, thực hành tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận chuyển hành khách và hàng hóa.</i>		
5840102	Khai thác cảng hàng không						
5840106	Khai thác vận tải đường không						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5840107	Khai thác vận tải đường sắt						
5840112	Vận hành máy tàu thủy			6840112	Vận hành khai thác máy tàu		
5840113	Dịch vụ trên tàu biển						
5840114	Bảo đảm an toàn hàng hải			6840114	Bảo đảm an toàn hàng hải		
5840115	Vận hành thiết bị xếp dỡ hàng hóa hàng hải			6840115	Vận hành thiết bị xếp dỡ hàng hóa hàng hải		
				6840116	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp		
5840117	Đặt chỗ bán vé						
5840118	Dịch vụ trên tàu bay						
5840119	Lái tàu bay dân dụng			6840119	Lái tàu bay dân dụng		
5840120	Điều hành bay			6840120	Điều hành bay		
5840121	Kiểm soát không lưu			6840121	Kiểm soát không lưu		
5840123	Điều khiển tàu hỏa						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5840126	Lái xe chuyên dụng			6840126	Lái xe chuyên dụng		
				6840127	Lái tàu điện		
5840129	Vận tải hành khách, hàng hóa đường sắt			6840129	Vận tải hành khách, hàng hóa đường sắt		
58402	Dịch vụ bưu chính <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý, lý thuyết, thực hành tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận chuyển thư từ, tài liệu và hàng hóa bằng hệ thống bưu chính.</i>			68402	Dịch vụ bưu chính <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý, lý thuyết, thực hành tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận chuyển thư từ, tài liệu và hàng hóa bằng hệ thống bưu chính.</i>		
5840201	Dịch vụ bưu chính						
5840202	Kinh doanh thiết bị viễn thông tin học			6840202	Kinh doanh thiết bị viễn thông tin học		
585	Môi trường và bảo vệ môi trường			685	Môi trường và bảo vệ môi trường		
58501	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường.</i>			68501	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường.</i>		
5850101	Quản lý tài nguyên nước						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5850105	Bảo vệ môi trường công nghiệp			6850105	Bảo vệ môi trường công nghiệp		
5850106	Bảo vệ môi trường biển			6850106	Bảo vệ môi trường biển		
5850107	Quản lý tài nguyên biển và hải đảo						
5850108	Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học						
5850109	Xử lý dầu tràn trên biển			6850109	Xử lý dầu tràn trên biển		
5850110	Xử lý rác thải			6850110	Xử lý rác thải		
5850111	An toàn phóng xạ						
				6850112	Kiểm soát và bảo vệ môi trường		
58502	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào môi trường công nghiệp, trang thiết bị bảo hộ đảm bảo an toàn cho người lao động; theo dõi, xử lý chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường.</i>			68502	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp <i>Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào môi trường công nghiệp, trang thiết bị bảo hộ đảm bảo an toàn cho người lao động; theo dõi, xử lý chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường.</i>		
5850201	An toàn lao động						
5850202	Bảo hộ lao động và môi trường						

Danh mục ngành, nghề trình độ trung cấp				Danh mục ngành, nghề trình độ cao đẳng			
Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)	Mã	Tên gọi	Đưa vào DMN (1)	Lý do (2)
5850203	Bảo hộ lao động			6850203	Bảo hộ lao động		
586	An ninh, quốc phòng			686	An ninh, quốc phòng		
58601	An ninh và trật tự xã hội <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các nguyên lý, thủ tục đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội và môi trường; đảm bảo trật tự và an toàn xã hội</i>			68601	An ninh và trật tự xã hội <i>Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào các nguyên lý, thủ tục đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội và môi trường; đảm bảo trật tự và an toàn xã hội</i>		
5860102	Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không						
5860103	Nghiệp vụ an ninh khách sạn			6860103	Nghiệp vụ an ninh khách sạn		
				6860104	Nghiệp vụ an ninh vận tải		
				6860105	Kỹ thuật hình sự		
5860119	Huấn luyện quân sự, võ thuật			6860119	Huấn luyện quân sự, võ thuật		